

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi phí áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 1. Ban hành các định mức chi phí và lợi nhuận áp dụng cho giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, gồm các định mức sau:

- Định mức chi phí sản xuất chung.
- Định mức chi phí quản lý.
- Định mức lợi nhuận.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này ban hành định mức chi phí và lợi nhuận áp dụng cho giá dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải (dịch vụ vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và dịch vụ vận hành luồng hàng hải công cộng) sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

PHỤ LỤC

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ, LỢI NHUẬN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I. Hướng dẫn xác định chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, lợi nhuận

1. Chi phí sản xuất chung

a) Chi phí sản xuất chung bao gồm:

a1) Chi phí sản xuất chung tại đơn vị: Gồm các chi phí phục vụ hoạt động của Văn phòng các đơn vị hạch toán phụ thuộc của các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải (là đơn vị trực tiếp sản xuất theo quy định pháp luật phục vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công), cụ thể các nội dung chi như sau:

- Chi phí nhân viên: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý ở các đơn vị và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

- Chi phí vật tư dùng cho quản lý, vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng cho quản lý của các đơn vị;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của văn phòng các đơn vị thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của các đơn vị như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí sửa chữa tài sản cố định, và tiền thuê tài sản cố định phục vụ quản lý tại các đơn vị, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có), chi phí mua ngoài khác (nếu có);

- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác theo quy định pháp luật ngoài các chi phí đã nêu trên phục vụ cho hoạt động quản lý của các đơn vị.

- Chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) phát sinh ở văn phòng các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý chưa nêu ở trên.

a2) Chi phí sửa chữa tài sản trực tiếp là khoản chi phí nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của các tài sản trực tiếp (công trình đèn biển, đăng tiêu độc lập, nhà trạm và công trình phụ trợ gắn với đèn biển, đăng tiêu độc lập; nhà trạm,

cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu, đăng tiêu báo hiệu luồng hàng hải công cộng; phương tiện thủy, bộ; máy phát điện; phao báo hiệu hàng hải; thiết bị báo hiệu hàng hải và thiết bị nguồn năng lượng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và tài sản cố định dùng chung cho vận hành hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập, luồng hàng hải công cộng) bảo đảm để các tài sản hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

b. Phương pháp xác định chi phí sản xuất chung

b1) Chi phí sản xuất chung tại đơn vị được xác định trên cơ sở chi phí nhân công trực tiếp (CNC) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung

$$CC = CNC \times \text{tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ chi phí sản xuất chung}$$

Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất chung tại đơn vị (không bao gồm chi phí sửa chữa tài sản trực tiếp) chia cho chi phí nhân công trực tiếp. Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung đề xuất đưa vào dự thảo Thông tư là tỷ lệ bình quân 05 năm từ năm 2020 – 2024.

b2) Chi phí sửa chữa tài sản trực tiếp được xác định trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chi phí quản lý

a) Chi phí quản lý bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý bao gồm các khoản phải trả cho bộ phận quản lý như tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

- Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ;

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi

nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

- Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật;

- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật.

b. Phương pháp xác định chi phí quản lý

Chi phí quản lý được xác định trên cơ sở chi phí nhân công trực tiếp C_{NC} nhân (x) với tỷ lệ chi phí quản lý quy định tại bảng dưới đây.

$$C_{QL} = C_{NC} \times \text{tỷ lệ chi phí quản lý}$$

Trong đó:

C_{NC} : Chi phí nhân công trực tiếp gồm các khoản tiền phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như chi phí tiền lương, chi phí tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân công trực tiếp sản xuất theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Lợi nhuận

Lợi nhuận cho dịch vụ sự nghiệp công Bảo đảm an toàn hàng hải được xác định trên cơ sở tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nhân với tỷ lệ lợi nhuận dự kiến quy định tại bảng dưới đây.

$$LN = TC \times \text{tỷ lệ lợi nhuận}$$

Trong đó:

TC: là tổng chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các chi phí sau: chi phí vật tư trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp; chi phí sản xuất chung; chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định phục vụ sản xuất (chưa tính ở trên) chi phí bán hàng (nếu có); chi phí quản lý và chi phí tài chính (nếu có).

II. Bảng định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý và tỷ lệ lợi nhuận áp dụng cho giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng

TT	Dịch vụ sự nghiệp công	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
I	Vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập		
1	Tỷ lệ chi phí sản xuất chung (%)	11,70 %	20,41 %
2	Tỷ lệ chi phí quản lý (%)	21,70 %	21,13 %
3	Tỷ lệ lợi nhuận (%)	11,20 %	8,7 %
II	Vận hành luồng hàng hải công cộng		
1	Tỷ lệ chi phí sản xuất chung (%)	11,70 %	20,41 %
2	Tỷ lệ chi phí quản lý (%)	21,70 %	21,13 %
3	Tỷ lệ lợi nhuận (%)	11,20 %	8,7 %